

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HSST
Ngày 19/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà **Lê Thị Tâm**

Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Văn Bình và ông Lê Quang Tùng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên toà: Bà: **Hà Thị Hồng Tú** - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2018/HSST ngày 25/5/2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 15/5/1986

Trú tại: Thôn H, xã T, huyện T1, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; con ông: Nguyễn Văn T (đã chết) và con bà: Phùng Thị H; có vợ Hoàng Thị H và 02 con, lớn sinh năm: 2010, nhỏ sinh năm 2012;

Tiền án; Năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 20 tháng về tội trộm cắp tài sản, tại bản án số 02/2017/HSST ngày 18/01/2017; chấp hành xong án ngày 31/12/2017.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

Năm 2005 bị Công an huyện T xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản;

Năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án số 19/2010/HSST ngày 10/12/2010;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/4/2018 đến ngày 02/5/2018 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Thanh Hóa. (có mặt tại phiên tòa).

+ **NGƯỜI BỊ HẠI:**

Chị Lê Thị N, sinh năm: 1982

Trú tại: Thôn X, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ **NGƯỜI LÀM CHỨNG:**

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1977, (*vắng mặt*).
2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1964(*vắng mặt*).
3. Chị Trần Thị Hoa, sinh năm: 1965 (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 27/4/2018 Nguyễn Văn T đi xe máy biển kiểm soát 36D1- 24262 từ nhà ở xã T, huyện T1 lên xã N, huyện T chơi. Khi qua cửa hàng Viettel, thuộc khu 1, thị trấn T, T quan sát thấy 01 chiếc xe máy màu đỏ - đen, biển kiểm soát 36N2- 4724 của chị Lê Thị N, sinh năm 1982, trú tại: Thôn X, xã N, huyện T, đang dừng ở trước cửa hàng, nhưng không có người trông coi. Nguyễn Văn T nảy sinh ý định trộm cắp, nên điều khiển xe quay lại và tiến đến gần chiếc xe máy của chị N, dùng tay phải móc nâng yên xe lên lấy ra 01 chiếc ví màu đỏ, có quay xách. Khi lấy được chiếc ví, Nguyễn Văn T mở khóa ví thấy có tập tiền để ở ngăn giữa, nên lấy toàn bộ số tiền bỏ vào túi quần bên trái. Sau khi lấy được tiền, Nguyễn Văn T dùng tay phải kéo bật yên xe của chị Lê Thị N lên, cho chiếc ví màu đỏ vào trong cốp và dập khóa yên xe. Sau đó, Nguyễn Văn T điều khiển xe của mình về nhà và cho toàn bộ số tiền vào trong túi ni lông cất giấu trong bụi cỏ cạnh chân tường móng nhà mình. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị Lê Thị N đã báo cáo Công an thị trấn T và Công an huyện T, đồng thời giao nộp 01 chiếc ví màu đỏ. Ngày 29/4/2018 Nguyễn Văn T đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú khai nhận hành vi trộm cắp của mình. Tại cơ quan điều tra bị cáo T đã giao nộp toàn bộ số tiền 21.000.000đ (*hai mươi một triệu đồng*) và 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 36D1- 24262 cho cơ quan điều tra.

Vật chứng của vụ án là số tiền 21.000.000đ (*hai mươi một triệu đồng*); 01 ví màu đỏ đã trả lại cho chị Lê Thị N, chị N không yêu cầu gì thêm; Chiếc xe máy biển kiểm soát 36ND1- 24262, xác định của chị Hoàng Thị H, sinh năm 1980, ở thôn H, xã T, huyện T1, chị H không biết T sử dụng vào việc trộm cắp tài sản nên đã trả lại cho chị H.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSTX ngày 25/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân truy tố Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Nguyễn Văn T từ 18(*mười tám*) đến 24 (*hai bốn*) tháng tù. Thời gian tạm giữ, tạm giam của bị cáo được trừ vào thời gian chấp hành án.

Về phần bồi thường dân sự: Người bị hại không có yêu cầu gì nên miễn xét Bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện , Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tiến hành đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung của vụ án:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 27/4/2018, bị cáo T đã dùng xe máy biển kiểm soát 36D1- 24262 từ nhà ở xã T , huyện T1 lên xã N , huyện T chơi. Khi qua cửa hàng Viettel, thuộc khu 1, thị trấn T , Nguyễn Văn T quan sát thấy 01 chiếc xe máy màu đỏ - đen, biển kiểm soát 36N2- 4724 đang dựng ở trước cửa hàng, nhưng không có người trông coi. T nảy sinh ý định trộm cắp, nên điều khiển xe quay lại gần chiếc xe máy của chị N , dùng tay phải móc nâng yên xe lên lấy ra 01 chiếc ví màu đỏ, có quay xách. T mở khóa ví thấy có tập tiền để ở ngăn giữa, T lấy toàn bộ số tiền bỏ vào túi quần bên trái và điều khiển xe máy đi về nhà cho toàn bộ số tiền vào trong túi ni lông cất giấu trong bụi cỏ cạnh chân tường móng nhà mình.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố.

[3]. Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo đã vi phạm trật tự an toàn xã hội tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm để giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong quản lý và bảo vệ tài sản, bị cáo Nguyễn Văn T đã lén lút trộm cắp tài sản là số tiền 21.000.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo đã cấu thành đầy đủ tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật tuyên phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương ứng với tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 36ND1- 24262, xác định của chị Hoàng Thị H, chị H không biết T sử dụng vào việc trộm cắp tài sản nên đã trả lại cho chị H.

[5]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân xấu; Năm 2005 bị Công an huyện T xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; Năm 2009 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, tại bản án số 19/2010/HSST ngày 10/12/2010; Năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 20 tháng về tội Trộm cắp tài sản, tại bản án số 02/2017/HSST ngày 18/01/2017; bị cáo T đã chấp hành xong án ngày 31/12/2017. Sau khi chấp hành xong chưa được xóa án, không chịu tu dưỡng rèn luyện lại tiếp tục phạm tội, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả; sau khi phạm tội ra đầu thú; người bị hại chị Lê Thị N đã nhận đủ tài sản số tiền 21.000.000đ (*hai một triệu đồng*); 01 ví màu đỏ và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[6]. Với tính chất vụ án; hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo trên cơ sở xem xét đầy đủ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn T một mức án nhất định, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội, thời hạn tạm giữ, tạm giam của bị cáo được trừ vào thời gian chấp hành án. Áp dụng Điều 329 Bộ Luật Tố tụng Hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[7]. *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại đã nhận đủ tài sản, không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tuyên bố: Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt:

Nguyễn Văn T 18 (*mười tám*) tháng tù. Thời gian chấp hành án tính từ ngày 29/4/2018, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo Thi hành án.

-*Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại không có yêu cầu nên miễn xét.

-*Về án phí*: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án”. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

- *Quyền kháng cáo:* Bị cáo Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/6/2018); Người bị hại chị Lê Thị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Thường Xuân;
- Công an huyện Thường Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thường Xuân;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HSVA.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Lê Thị Tâm

